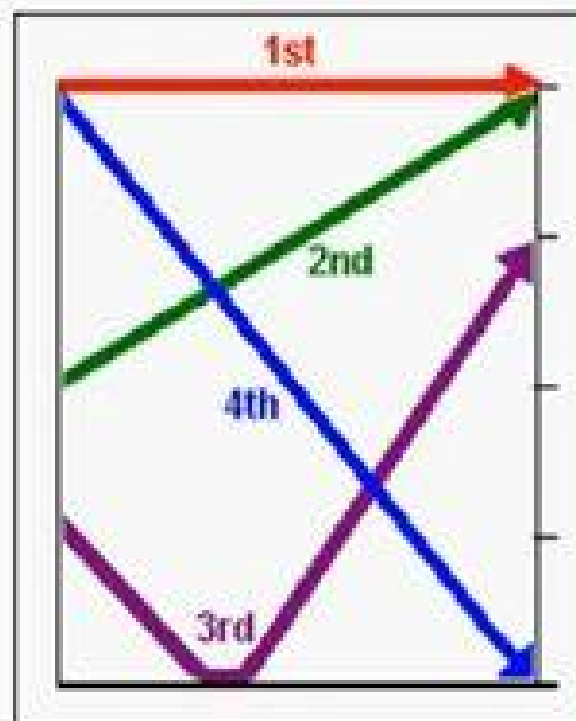


The tones

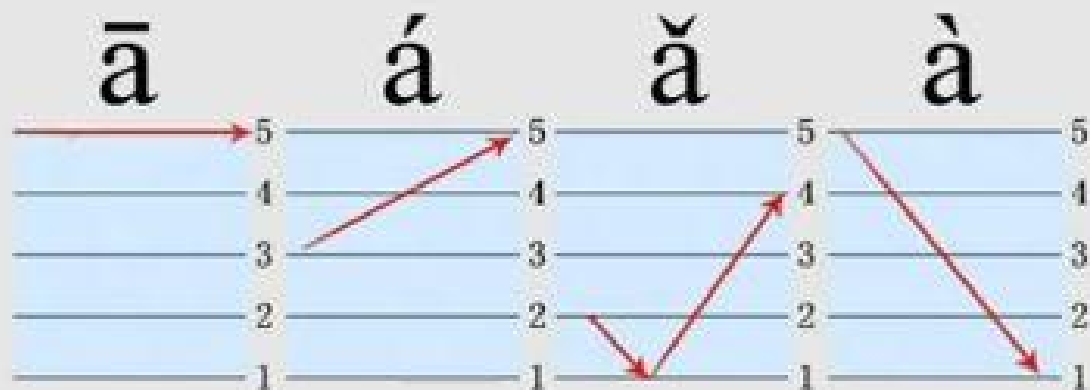
Tone	Example	Meaning
1st	妈 mā	mother
2nd	麻 má	Hemp fiber (for clothes or rope)
3rd	马 mǎ	horse
4th	骂 mà	scold
Neutral /toneless	妈妈 mā ma	Mother, mommy



Tones of Pinyin



Example: “a” with Four Tones



Neutral Tone

The stress of neutral tone varies in different combo:

高的
gāode

长的
chángde

好的
hǎode

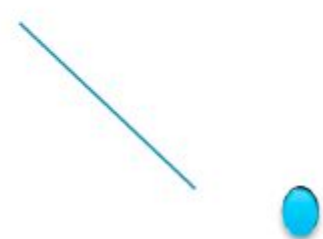
大的
dàde

一声
高的

二声
长的

三声
好的

四声
大的



Tone Practice

	x-1	x-2	x-3	x-4	x-5
1-x	tā shuō 他说	tā lái 他来	tā zǒu 他走	tā zuò 他做	shuō le 说了
2-x	méi shuō 没说	méi lái 没来	méi zǒu 没走	méi zuò 没做	méi le 没了
3-x	nǐ shuō 你说	nǐ lái 你来	nǐ zǒu 你走	nǐ zuò 你做	zǒu le 走了
4-x	jiù shuō1 就说	jiù lái 就来	jiù zǒu 就走	jiù zuò 就做	zuò le 做了